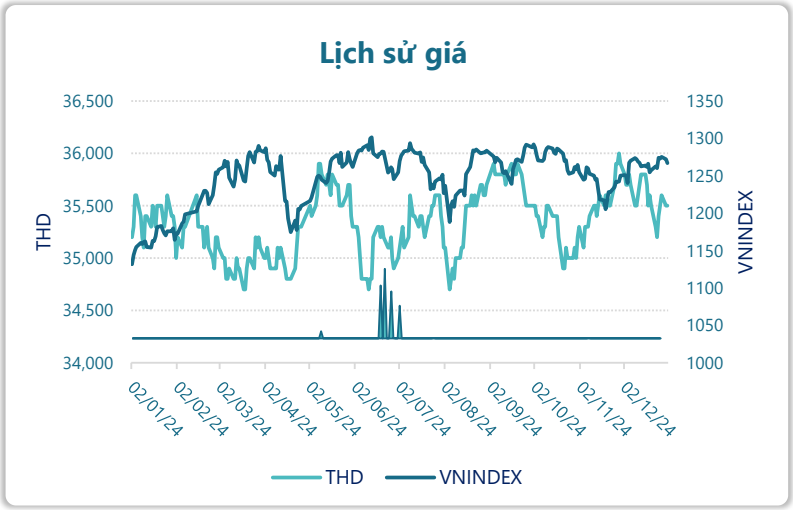
FireAnt

CTCP Thaiholdings (HNX: THD)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**35,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	34,700
SL cổ phiếu LH	384,999,972
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,655
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13,667
P/E	163.5
EPS	217

DT thuần

Q4/24

233

tỷ VNĐ

QoQ: ▼12.0| -4.8%

YoY: ▼105| -31.0%

LN sau thuế

Q4/24

10.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼14.8| -57.5%

YoY: ▼56.6| -83.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

10.8%

+/- YoY: ▼ 8.6%

DT thuần

2024

974

tỷ VNĐ

YoY: ▼896| -47.9%

LN sau thuế

2024

83.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼141| -62.8%

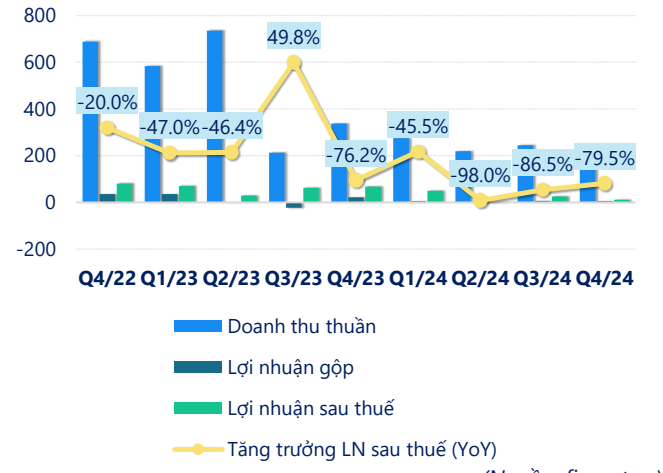
ROE

2024

1.6%

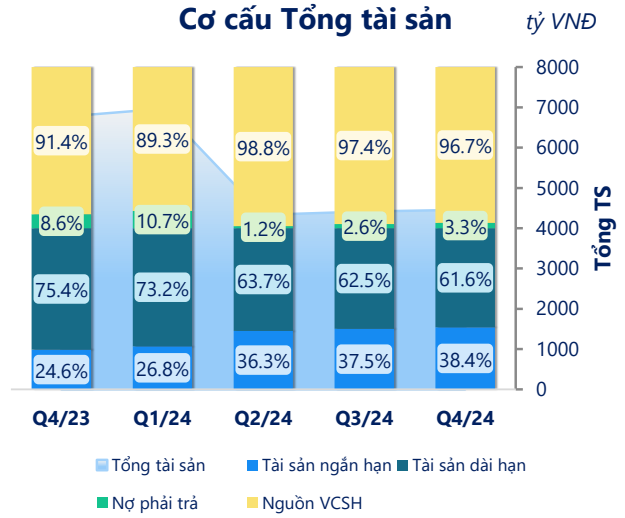
+/- YoY: ▼ 1.3%

Kết quả kinh doanh



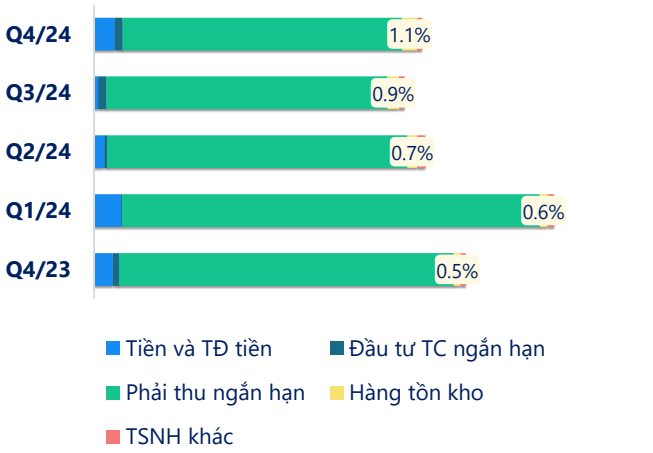
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



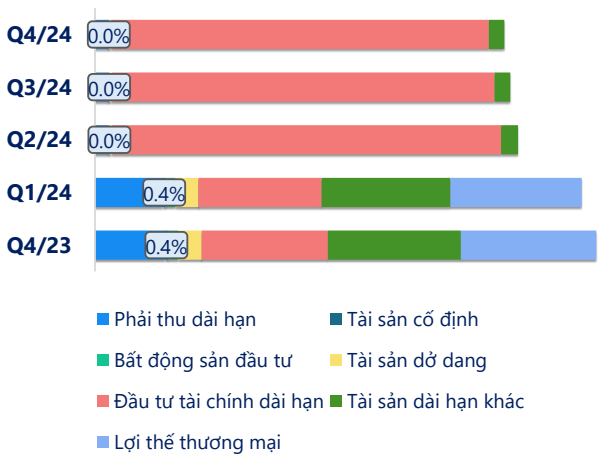
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



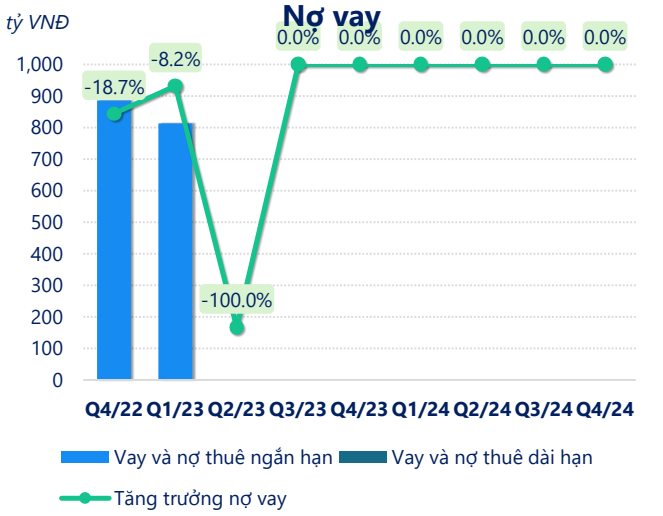
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



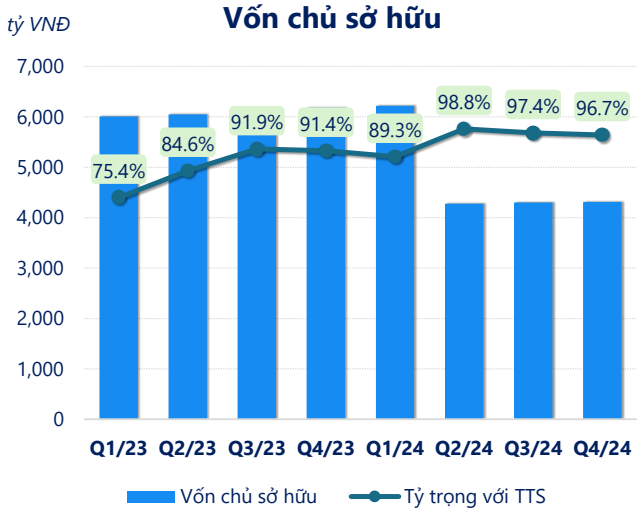
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



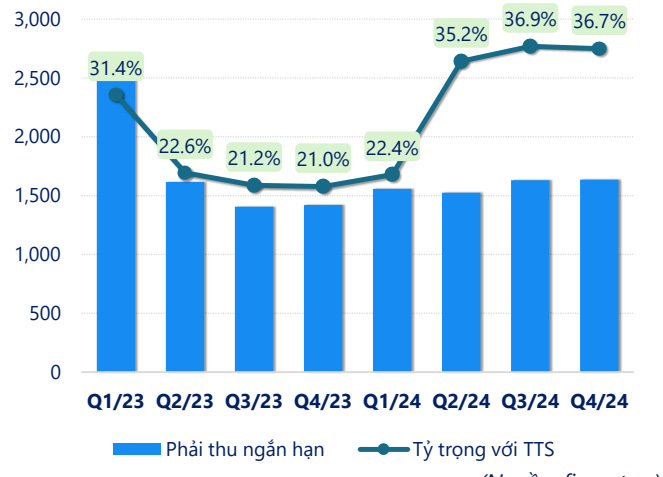
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



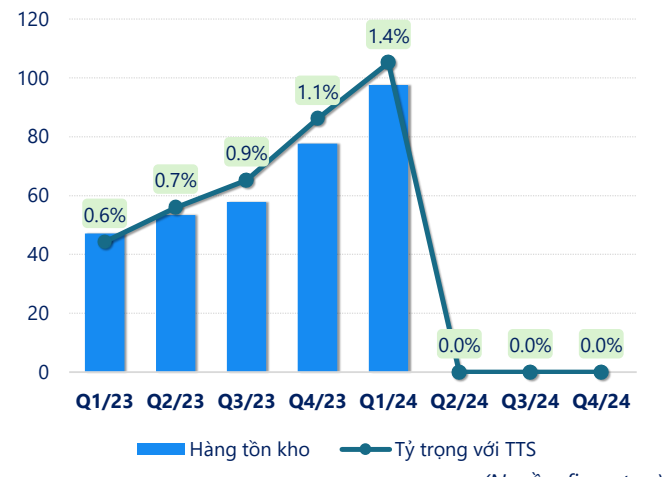
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



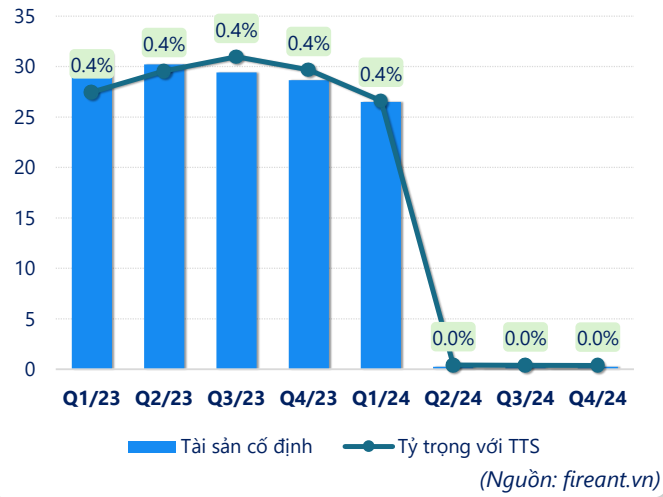
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



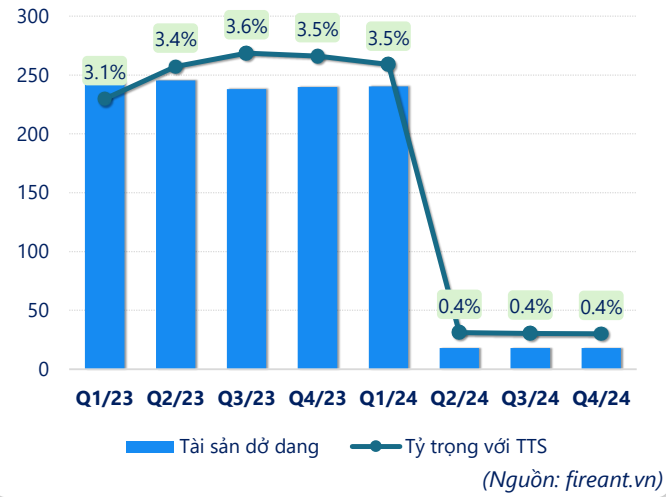
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



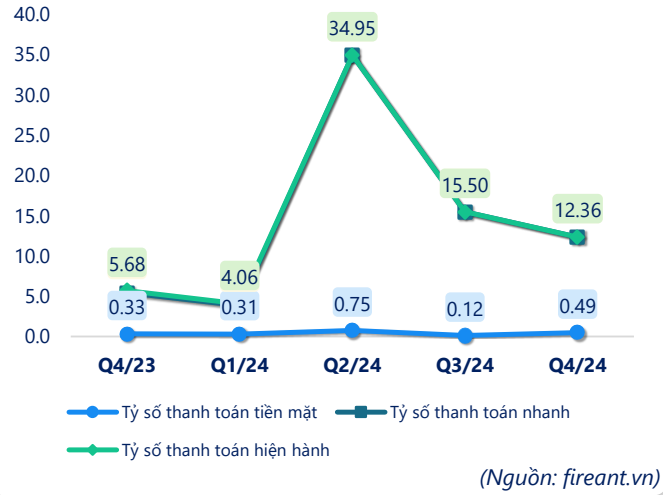
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



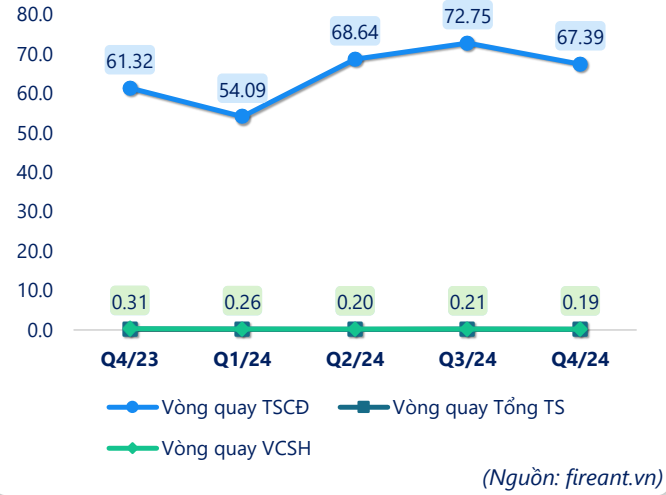
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**6,760**	**6,965**	**4,330**	**4,416**	**4,460**
Tài sản ngắn hạn	**1,660**	**1,864**	**1,573**	**1,656**	**1,714**
Tiền và tương đương tiền	95.0	141	33.9	13.2	68.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.0	37.1	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	1,421	1,558	1,525	1,630	1,635
Hàng tồn kho	77.6	97.6	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	25.5	30.7	14.7	12.7	10.7
Tài sản dài hạn	**5,100**	**5,101**	**2,756**	**2,760**	**2,746**
Phải thu dài hạn	712	712	94.0	94.0	92.7
Tài sản cố định	28.7	26.5	0.26	0.25	0.24
Bất động sản đầu tư	105	105	0	0	0
Tài sản dở dang	240	240	17.9	17.9	17.9
Đầu tư tài chính dài hạn	1,284	1,291	2,534	2,542	2,533
Tài sản dài hạn khác	1,353	1,348	110	106	102
Lợi thế thương mại	1,377	1,377	0	0	0
Nợ phải trả	**584**	**744**	**53.2**	**114**	**147**
Nợ ngắn hạn	**292**	**460**	**45.0**	**107**	**139**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	66.7	134	13.7	71.4	101
Nợ dài hạn	292	284	8.22	7.08	7.97
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**6,176**	**6,221**	**4,276**	**4,302**	**4,313**
Vốn chủ sở hữu	**6,176**	**6,221**	**4,276**	**4,302**	**4,313**
Vốn điều lệ	3,850	3,850	3,850	3,850	3,850
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)